

Số: /SNN-KL

Lai Châu, ngày tháng 8 năm 2024

V/v triển khai quy định về chuyển
mục đích sử dụng rừng sang mục
đích khác, phương án sử dụng
rừng, tạm sử dụng rừng

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Chủ đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017 được sửa đổi, bổ sung theo Điều 248 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2024/NĐ-CP, ngày 06/3/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai quy định mới về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, phương án sử dụng rừng, tạm sử dụng rừng như sau:

I. CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

1. Tổng hợp những quy định chung

1.1. Nguyên tắc

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ các dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án cấp thiết khác theo tiêu chí do Chính phủ quy định.

- Thống nhất, đồng bộ với chuyển mục đích sử dụng đất.

1.2. Căn cứ

- Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhu cầu sử dụng rừng thể hiện trong dự án đầu tư đối với tổ chức; đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

1.3. Điều kiện

- Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Có dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc sau khi hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế.

1.4. Tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác

Dự án đảm bảo tiêu chí được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, gồm:

(1) Dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định.

(2) Dự án phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận bằng văn bản.

(3) Các dự án cấp thiết, gồm:

- Dự án khẩn cấp theo quy định về tình trạng khẩn cấp; dự án đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; dự án cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Các dự án sau đây đảm bảo tiêu chí chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ rừng tự nhiên thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng:

+ Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

+ Dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (dự án về giao thông, thủy lợi);

+ Dự án nguồn điện, dự án lưới điện nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội;

+ Dự án tôn tạo di tích cách mạng, dự án tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt;

+ Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Dự án thăm dò, khai thác khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép; dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đảm bảo tiêu chí chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;

- Các trường hợp khác không thuộc tiêu chí nêu trên, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có văn bản đề xuất, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

2. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

2.1. Thẩm quyền

Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Dầu khí.

2.2. Hồ sơ

a) Hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

(1) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 17 (đối với tổ chức), Mẫu số 18 (đối với cá nhân) Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

(2) Một trong các văn bản sau về đầu tư dự án:

- Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định;

- Đối với dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công năm 2019:

+ Bản sao báo cáo đề xuất dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định;

+ Bản sao quyết định phê duyệt chương trình, mục tiêu quốc gia;

+ Bản sao quyết định chủ trương đầu tư dự án trong đó có dự án thành phần đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng.

(3) Một trong các tài liệu sau về đánh giá tác động môi trường của dự án:

- Bản chính đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Bản sao giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định.

(4) Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do chủ dự án lập trong thời gian 6 tháng trước ngày nộp hồ sơ:

- Báo cáo thuyết minh:

+ Thê hiện rõ thông tin về vị trí: Tiểu khu, khoảnh, lô, địa danh hành chính khu rừng;

+ Diện tích rừng: Theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất) và theo nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng).

+ Một số nội dung khác: Hệ thống bảng biểu, biên bản làm việc, tài liệu về nội dung, phương pháp điều tra rừng, thông tin về chủ quản lý rừng...

- Bản đồ hiện trạng rừng:

+ Hệ tọa độ: VN2000, kinh tuyến trực 103 độ, múi chiếu 3 độ.

+ Trình bày bản đồ: Thực hiện theo Tiêu chuẩn Việt Nam số 11565:2016 Quy định về trình bày và thể hiện nội dung bản đồ hiện trạng rừng.

+ Tỷ lệ bản đồ: Tỷ lệ 1/5.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/10.000 đối với dự án có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên và dự án dạng tuyến.

(5) Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

b) Đối với dự án đầu tư có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh

- Văn bản chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án đồng thời là chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trong nội dung văn bản chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án có ghi dự kiến quy mô diện tích rừng cần chuyển sang mục đích khác.

- Hồ sơ đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là thành phần trong hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án.

- Thành phần hồ sơ đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gồm: Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do chủ dự án lập trong thời gian 6 tháng trước ngày nộp hồ sơ, thực hiện theo nội dung số (4) tiêu mục a mục 2.2 Mục I Công văn này.

2.3. Trình tự, thủ tục

a) Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Bước 1 - Gửi hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gửi 01 bộ hồ sơ theo tiêu mục a mục 2.2 Mục I Công văn này đến Sở Nông nghiệp và PTNT theo một trong các hình thức sau:

- Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu);

- Gửi qua môi trường điện tử.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các công việc sau:

+ Kiểm tra, xác minh và tổ chức thẩm định: Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

+ Báo cáo kết quả thẩm định:

* Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

* Trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thẩm định với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 3 - Trình phê duyệt: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định và hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Bước 4 - Phê duyệt: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

b) Đối với dự án đầu tư có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Trong quá trình thẩm định đề chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư, Cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến thẩm định về đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng đối với dự án của các cơ quan cụ thể:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến thực hiện dự án đối với dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2.4. Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

a) Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

+ Hồ sơ: Thực hiện theo tiêu mục a mục 2.2 Mục I Công văn này.

+ Trình tự, thủ tục: Thực hiện theo tiêu mục a mục 2.3 Mục I Công văn này.

Lưu ý: Dự án thay đổi vị trí, diện tích rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương thì không phải thực hiện điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

b) Đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư có thay đổi về quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác

+ Dự án thay đổi quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác nhưng không thuộc trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thì Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng đối với diện tích rừng có sự thay đổi; trình tự, thủ tục thực hiện theo mục 3.3 Mục I Công văn này.

+ Dự án thay đổi quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư thì thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định.

+ Dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư, trong đó có thay đổi về quy mô diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác đã được quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, Cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến

của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án.

3. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

3.1. Thẩm quyền

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (*sau đây viết tắt là cá nhân*).

3.2. Hồ sơ

(1) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 20 (đối với tổ chức), Mẫu số 21 (đối cá nhân) Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

(2) Một trong các văn bản sau về chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

- Bản sao Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

(3) Một trong các văn bản sau về thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

- Phương án trồng rừng thay thế được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thông báo hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế.

(4) Báo cáo thuyết minh hiện trạng rừng và bản đồ hiện trạng rừng: Thực hiện theo nội dung số (4) tiểu mục a mục 2.2 Mục I Công văn này.

3.3. Trình tự, thủ tục

Bước 1 - Gửi hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có dự án đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gửi 01 bộ hồ sơ theo mục 3.2 Mục I Công văn này đến Sở Nông nghiệp và PTNT đối với tổ chức hoặc cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp đối với cá nhân, theo một trong các hình thức sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu) đối với tổ chức; tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án;

- Gửi qua môi trường điện tử.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức; Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân.

Bước 3 - Phê duyệt:

- Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ, Ủy ban nhân dân ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân.

- Không quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Một số nội dung cần lưu ý

- Diện tích rừng đã được phê duyệt quy hoạch cho mục đích sử dụng khác không phải lâm nghiệp nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng thì vẫn phải thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo mục 2, mục 3 Mục I Công văn này; loại rừng đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là loại rừng tương ứng trước khi phê duyệt đưa sang mục đích khác không phải lâm nghiệp.

- Dự án có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 18/7/2024 nhưng chưa được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, chủ dự án lập hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trình tự, thủ tục thực hiện theo mục 2.3 Mục I Công văn này.

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trước ngày 18/7/2024 nhưng cần thiết phải điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì thực hiện các trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo tiểu mục c mục 2.3 Mục I Công văn này.

- Chủ đầu tư dự án phải thực hiện lại trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác khi không được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau 24 tháng kể từ thời điểm dự án được quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Đối với diện tích rừng đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án nhưng dự án không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng ít hơn diện tích rừng đã được quyết định, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải đưa diện tích rừng vào quản lý theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

- Đối với dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại khu vực biên giới phải có ý kiến thẩm định của Sở Ngoại vụ và các cơ quan có liên quan về mức độ ảnh hưởng đến các vấn đề biên giới theo quy định tại Nghị định số 34/2014/NĐ-CP, ngày 29/4/2014 của Chính phủ.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG RỪNG

1. Đối tượng

Các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sau đây không phải thực hiện quy định về quyết định chủ trương và quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác:

- Hệ thống đường lâm nghiệp bao gồm đường vận xuất, vận chuyển lâm sản, đường tuần tra bảo vệ rừng; kho, bến bãi tập kết lâm sản.

- Công trình phòng, trừ sinh vật gây hại rừng, cứu hộ, bảo vệ, phát triển động vật rừng, thực vật rừng.

- Công trình phòng cháy và chữa cháy rừng bao gồm đường ranh cảnh lửa, chòi canh lửa rừng, trạm quan sát, dự báo lửa rừng; kênh, mương, bể chứa nước, đập, hồ chứa nước phòng cháy và chữa cháy rừng.

- Trạm bảo vệ rừng; biển báo, biển cảnh báo, cọc mốc ranh giới khu rừng, tiểu khu, khoảnh và lô rừng.

2. Điều kiện: Việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng phải phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Chủ rừng xây dựng Phương án sử dụng rừng.

3. Thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý.

4. Hồ sơ

(1) Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 28 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;

(2) Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án sử dụng rừng theo Mẫu số 29 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục

Bước 1 - Gửi hồ sơ: Chủ rừng gửi 01 bộ hồ sơ theo mục 4 Mục II Công văn này đến Sở Nông nghiệp và PTNT theo một trong các hình thức sau:

- Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu);

- Gửi qua môi trường điện tử.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xác minh và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

Bước 3 - Phê duyệt hồ sơ: Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án sử dụng rừng; trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. TẠM SỬ DỤNG RỪNG

1. Điều kiện

- Có dự án lưới điện được cấp có thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định.

- Chỉ tạm sử dụng rừng trong trường hợp dự án bắt buộc phải sử dụng rừng do không thể bố trí trên diện tích đất khác. Hạn chế tối đa diện tích tạm sử dụng rừng; không chặt hạ cây rừng có đường kính từ 20cm trở lên ở vị trí từ mặt đất đến vị trí 1,3m của thân cây.

- Không tạm sử dụng rừng trong khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, phạm vi diện tích rừng có các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm; không lợi dụng việc tạm sử dụng rừng để chặt, phá rừng, săn bắt động vật rừng, khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản trái quy định của pháp luật, hợp thức hóa gỗ và lâm sản khai thác trái pháp luật; không đưa chất thải, chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; không xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên, hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.

- Việc trồng lại rừng phải được thực hiện ngay trong mùa vụ trồng rừng gần nhất tại địa phương nhưng không quá 12 tháng tính từ thời gian tạm sử dụng rừng kết thúc trong Phương án tạm sử dụng rừng được phê duyệt; đảm bảo diện tích rừng được phục hồi đáp ứng tiêu chí thành rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

- Trường hợp dự án có cả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tạm sử dụng rừng, phải có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với phần diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng.

2. Thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng.

3. Hồ sơ

(1) Văn bản đề nghị của chủ đầu tư dự án theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP.

(2) Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án.

Trường hợp dự án không chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

(3) Bản chính báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị tạm sử dụng.

- Báo cáo thuyết minh thể hiện vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), diện tích rừng theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), trữ lượng, loài cây đối với rừng trồng;

- Bản đồ (hiện trạng rừng khu vực tạm sử dụng rừng tỷ lệ 1/5.000 thể hiện rõ vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu; địa danh hành chính), phạm vi, ranh giới khu rừng đề nghị tạm sử dụng;

(4) Phương án tạm sử dụng rừng do chủ đầu tư lập theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2024/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục

a) Phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng

Bước 1 - Gửi hồ sơ: Chủ đầu tư dự án gửi 01 bộ hồ sơ theo mục 3 Mục III Công văn này đến Sở Nông nghiệp và PTNT theo một trong các hình thức sau:

- Gửi trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1, Tòa nhà số 2, Trụ sở hợp khối cơ quan hành chính sự nghiệp - Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu);

- Gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

Bước 2 - Giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xác minh, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Bước 3 - Phê duyệt:

- Trường hợp lấy ý kiến các bộ, ngành: Trong thời gian 13 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến bộ, ngành chủ quản đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; tổng hợp ý kiến và phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng.

- Trường hợp không phải lấy ý kiến các bộ, ngành: Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng.

b) Điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng

- Trường hợp điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng:

+ Dự án thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo điều kiện tạm sử dụng rừng thì không phải thực hiện điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng. Nhưng chủ đầu tư dự án phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chủ rừng về việc thay đổi vị trí, phạm vi tạm sử dụng rừng.

+ Dự án có thay đổi nội dung Phương án tạm sử dụng rừng đã được phê duyệt không thuộc trường hợp trên thì phải thực hiện điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục trình quyết định phê duyệt điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng thực hiện theo mục 3, mục 4 Mục III Công văn này. Các thành phần hồ sơ không có sự thay đổi về nội dung so với thành phần hồ sơ trình phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng thì không phải nộp lại.

(Có các phụ lục, biểu mẫu liên quan đính kèm)

Căn cứ nội dung Công văn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

tuyên truyền đến chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, KL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trọng Lịch